

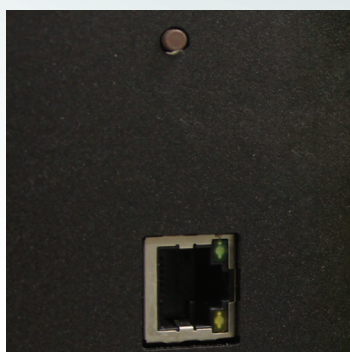


Máy in công nghiệp

EZ2050 / EZ2150

Máy in mã vạch công nghiệp mạnh mẽ nhất và có giá cả phải chăng

Dòng EZ2050 là một giải pháp hoàn hảo cho các ứng dụng in nhãn công nghiệp, đòi hỏi hiệu suất cao và giá cả phải chăng



Có các cổng Ethernet, Nối tiếp, USB và nút Hiệu chỉnh tự động



Hệ thống đầu in chi phí thấp và dễ thay đổi



Toàn bộ vỏ ngoài và cơ chế in đều bằng kim loại

GoDEX

Specification

EZ2050 / EZ2150

Model		EZ2050	EZ2150
Phương pháp in		Truyền nhiệt / Nhiệt trực tiếp	
Độ phân giải		203 dpi (8 chấm / mm)	300 dpi (12 chấm / mm)
Tốc độ in		6 IPS (150 mm/s)	4 IPS (120 mm/s)
Chiều rộng bản in		4,09" (104 mm)	
Độ dài bản in		Tối thiểu. 0,16" (4 mm) **; Tối đa 100" (2540 mm)	
Bộ vi xử lý		Tối thiểu. 0,16" (4 mm) **; Tối đa 45" (1143 mm)	
Bộ nhớ	Flash	8 MB Flash (4 MB sử dụng lưu trữ)	
	SDRAM	16MB	
Loại cảm biến		Cảm biến phản xạ có thể điều chỉnh Cảm biến khoảng cách cố định , căn lề trái	
Decal mã vạch	Các loại:	Dạng liên tục, nhân khoảng cách, cảm biến dấu đen và đục lỗ, chiều dài nhân được đặt bằng cảm biến tự động hoặc lập trình	
	Chiều rộng	Tiêu chuẩn : 0.8" (20 mm) Min. – 4,64" (118 mm) Max. Dao cắt : 4,61" (117 mm) Max. Bóc nhãn tự động : 4,64" (118 mm) Max.	
	Độ dày	0,003" (0,076 mm) Min. - 0,01" (0,25 mm) Max.**	
	Đường kính cuộn decal	Max. 8" (203,2 mm) with 3" (76,2 mm) core / Max. 6" (152,4 mm) with 1,5" (38,1 mm) core	
Ruy băng mực	Đường kính lõi	1,5" (38,1 mm) , 3" (76,2 mm)	
	Các loại	Wax, wax/resin, resin	
	Đường kính cuộn băng	2,99" (76 mm)	
	Đường kính lõi	1" (25,4 mm)	
	Chiều dài	1471' (450 m)	
Ngôn ngữ máy in	Chiều rộng	1,18" Min. - 4,33" (30 mm - 110 mm) Max.	
		Tự động chuyển ngôn ngữ EZPL, GEPL, GZPL, GDPL	
Phần mềm	Phần mềm thiết kế nhãn	GoLabel (chỉ dành cho máy có ngôn ngữ EZPL)	
	Driver	Vista, Windows 7, Windows 8 & 8.1, Windows 10, Windows Server 2008 R2, 2012, 2012 R2, 2016, 2019, MAC, Linux	
Phòng chữ tích hợp	SDK	Win CE, .NET, Windows Vista, Windows 7, Windows 8 & 8.1, Windows 10, Android, Mac, iOS	
	Phòng Bitmap	6, 8, 10, 12, 14, 18, 24, 30, 16X26 and OCR A & B Phòng chữ bitmap có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270° Phòng chữ bitmap có thể mở rộng 8 lần theo hướng ngang và dọc	
Phòng chữ tải xuống	Phòng TTF	Phòng TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0°, 90°, 180°, 270°	
	Phòng Bitmap	Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°	
	Phòng Asian	0°, 90°, 180°, 270° rotatable and 8 times expandable in horizontal and vertical directions	
Mã vạch	Phòng TTF	Phòng TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0°, 90°, 180°, 270°	
	Mã vạch 1D	China Postal Code, Codabar, Code 11, Code 32, Code 39, Code 93, Code 128 (subset A, B, C), EAN-8/EAN-13 (with 2 & 5 digits extension), EAN 128, FIM, German Post Code, GS1 DataBar, HIBC, Industrial 2 of 5, Interleaved 2-of-5 (1 of 5), Interleaved 2-of-5 with Shipping Bearer Bars, ISBT-128, ITF 14, Japanese Postnet, Logmars, MSI, Postnet, Plessey, Planet 11 & 13 digit, RPS 128, Standard 2 of 5, Telepen, Matrix 2 of 5, UPC-A/UPC-E (with 2 or 5 digit extension), UCC/EAN-128 K-Mat and Random Weight	
	Mã vạch 2D	Aztec code, Code 49, Codablock F, Datamatrix code, MaxiCode, Micro PDF417, Micro QR code, PDF417, QR code, TLC 39, GS1 Composite	
Bộ mã		CODEPAGE 437, 850, 851, 852, 855, 857, 860, 861, 862, 863, 865, 866, 869, 737 WINDOWS 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1257 Unicode UTF8 \ UTF16BE \ UTF16LE	
Đồ họa		Các loại tệp đồ họa tích hợp là BMP và PCX, các định dạng đồ họa khác có thể tải xuống từ phần mềm	
Cổng kết nối		USB Device (B-Type) Serial port: RS-232 (DB-9) IEEE 802.3 10/100Base-Tx Ethernet port (RJ-45)	
Bảng điều khiển		Ba đèn LED trạng thái đơn màu: Bật nguồn, Trạng thái Ruy băng mực, Trạng thái decal Phím điều khiển: FEED, PAUSE và CANCEL Nút điều khiển	
Điện năng yêu cầu		Tự động chuyển 100-240VAC, 50-60Hz	
Đồng hồ thời gian thực		Tiêu chuẩn	
Môi trường	Nhiệt độ hoạt động	41°F to 104°F (5°C to 40°C)	
	Nhiệt độ bảo quản	-4°F to 122°F (-20°C to 50°C)	
Độ ẩm	Hoạt động	30-85%, không ngưng tụ	
	Bảo quản	10-90%, không ngưng tụ	
Chứng nhận		CE(EMC), FCC Class A, CB, cUL, CCC	
Kích thước	Chiều dài	20,15" (512 mm)	
	Chiều cao	11,45" (291 mm)	
	Chiều rộng	10,78" (274 mm)	
Khối lượng		33 lbs (15Kg), Không bao gồm vật tư tiêu hao	
Tùy chọn thêm		Dao cắt tự động Bóc nhãn tự động + Cuộn đế decal sau khi đã bóc thải ra Hỗ trợ cổng kết nối Parallel (Centronic female 36-pin) Bảng điều khiển để kết nối máy in với bộ dán nhãn tự động (1 đầu vào, 3 đầu ra, công suất 500mA @ 5V) Giá đỡ cuộn tem nhãn bên ngoài, đường kính tối đa 10" (250mm) Máy cuộn decal tự động	

** Thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo. Tất cả các tên công ty và/hoặc tên sản phẩm đều là nhãn hiệu và/hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.

Việc tuân thủ thông số về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa có thể phụ thuộc vào sự khác nhau về chất liệu không tiêu chuẩn như: loại nhãn, độ dày, khoảng cách, cấu trúc lót, v.v. GoDEX vui lòng kiểm tra các chất liệu không tiêu chuẩn về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa.